Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

**BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG V**

**(3 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố các kiến thức của chương V: định lí Pythagore, tứ giác, hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông.

- Luyện tập kỹ năng vẽ hình, suy luận tìm lời giải trong bài toán hình học.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giao tiếp toán học: HS trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học: Thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, giải một số bài tập thuần túy toán học và bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản. Chỉ ra những chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.

- Năng lực mô hình hóa toán học: áp dụng công thức của định lí Pythagore

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: xác định được yêu cầu (GT, KL) của bài toán và tìm được cách giải đúng.

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng công cụ toán học phù hợp để vẽ được hình theo yêu cầu của bài toán

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

- Tự chủ: Tự tin trong việc tính toán; giải quyết bài tập chính xác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Đối với GV:*** SGK, kế hoạch bài dạy, bộ thiết bị vẽ bảng: eke, compa, đo góc, ti vi

***2. Đối với HS***: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG V**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Hệ thống mạch kiến thức cơ bản của chương bằng sơ đồ tư duy

**-** HS thực hiện yêu cầu vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức chủ đề: “Dấu hiệu nhận biết tứ giác đặc biệt”

- Vận dụng kiến thức về định lí Pythagore, tứ giác, hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông để giải một số bài tập liên quan.

**2. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | **Ghi chú** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Học sinh:** Làm việc theo nhóm bàn thực hiện trình bày hệ thống mạch kiến thức cơ bản trong chương V. | ***GV: Chuyển giao nhiệm vụ:***Em hãy vẽ sơ đồ tư duy hệ thống mạch kiến thức cơ bản của chương V. Định lí Pythagore. Tứ giác.  ***GV:*** chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm gồm học sinh của 2 bàn cùng nhau thảo luận để vẽ được sơ đồ.  GV cho các nhóm nhận xét sơ đồ tư duy chéo nhau  GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức chuẩn để vào bài học ***Bài tập cuối chương*** |  |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| - HS đọc nội dung yêu cầu của các bài tập 1, 2, 3, 4/SGK/120  - HS lập nhóm, thảo luận chọn được đáp án đúng  - HS so bài làm của nhóm bạn với đáp án GV trình bày để nhận xét bài của nhóm bạn. | - GV chiếu Slide nội dung bài tập 1, 2, 3, 4/SGK/120  - GV tổ chức cho HS hoạt động thực hiện Bài 1, 2, 3, 4/SGK/120 trên phiếu ht, theo nhóm bàn  - GV quan sát, nhắc nhỡ và hỗ trợ.  - GV hướng dẫn cho HS các nhóm trao đổi bài cho nhau và chấm chéo giữa các nhóm với đáp án của GV  - GV Chốt lại nội dung kiến thức, nhắc các sai lầm hay mắc phải.  - GV Tuyên dương nhóm thực hiện tốt, động viên nhóm chưa tốt.  **Kết quả:**   1. **1. C 2. C 3. B 4. A** | Ti vi  Đánh giá TX |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: Dạng toán ứng dụng thực tế** | | |
| - HS đọc nội dung yêu cầu của các bài tập 5/SGK/120  - HS vẽ được hình mô phỏng  .  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.  - HS trình bày được lời giải chi tiết | - GV yêu cầu HS hoạt động hoàn thành bài tập 5/SGK/120.  - GV điều hành, quan sát, hỗ trợ.  **Lời giải**  vuông tại A, ta có :  (định lý Pythagore)    Vậy đỉnh của bóng cây cách đỉnh của cây là 5 m  - GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng, chú ý các lỗi sai của học sinh hay mắc phải. | Đánh giá TX (đánh giá vì học tập) |
|  | | |
| **GIAO NHIỆM VỤ VỀ NHÀ** | | |
| - Ôn lại các khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết các hình  - GV giao về nhà bài tập 6 SGK/120  - Chuẩn bị BT luyện tập tiết 2: 7,8,11 SGK/121 | |  |

**TIẾT 2: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG V**

**1. Yêu cầu cần đạt**

**-** Học sinh vận dụng các dấu hiệu nhận biết để giải bài toán tổng hợp.

**-** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**-** Kết quả thực hiện các bài7, 8, 10 /SGK/121

**2. Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | **Ghi chú** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| - HS đọc câu hỏi trắc nghiệm.  - HS lựa chọn được các đáp án đúng  Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến. | GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “vòng quay may mắn” bằng cách thông qua trả lời bộ câu hỏi (5 -6 câu) về các KT cơ bản | Nhận xét ý thức của HS |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DUNG: *bài tập tổng hợp*** | | |
| **Bài 7/SGK/122**  - HS đọc đề bài  **- HS** vẽ được hình bài tập 7/sgk/121 cùng với  HS nhắc lại được các cách CM một tứ giác là hình hành  - HS đưa ra được PP cụ thể CM tứ giác ABCD là hình bình hành  - HS tự trình bày lời giải    **Bài 8/sgk/121**  - HS đọc đề bài  HS lên bảng vẽ được hình bài tập 8/sgk/121,  - HS nhắc lại được các cách CM một tứ giác là hình hành  - HS đưa ra được PP cụ thể CM tứ giác ABCD là hình bình hành  - HS tự trình bày lời giải vào phiếu học tập bằng cách điền khuyết    **Bài 11/sgk/121**  HS lên bảng vẽ hình bài tập 11/sgk/121, giải bài trên bảng theo hướng dẫn của giáo viên | GV dẫn dắt hỗ trợ HS trình bày lời giải.  **Lời giải**  **Tứ giác** ABCD có  ( dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song)(1)  có ( định lí tổng ba góc của một tam giác)  có ( định lí tổng ba góc của một tam giác)  Mà  và  Nên  (dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song)(2)  Từ (1) và (2) suy ra tứ giác ABCD là hình bình hành( dấu hiệu nhận biết)  Vậy tứ giác ABCD là hình bình hành (đpcm)  **Bài 8/sgk/121**  **Lời giải**  **và  và  và**  Có : BM = MA = DP = PC ( M, P là trung điểm cùa BA, CD)  BN = AQ = DQ = NC ( N, Q là trung điểm của BC, AD)  Nên  =  =  = ( hai cạnh góc vuông)  Suy ra : MN = MQ = PQ = PN ( cạnh tương ứng)  Suy ra tứ giác MNPQ là hình thoi ( dấu hiệu nhận biết)  **Bài 11/sgk/121**  GV dẫn dắt hỗ trợ HS trình bày lời giải theo từng ý  **a) Chứng minh**  Xét và có :  AM = CN (gt)  (so le trong)  (so le trong)  Suy ra :  (g.c.g)  Vậy : (đpcm)  **b) Chứng minh tứ giác AMCN là hình bình hành :**  Do (câu a)  Suy ra : IM = IN ; IA = IC ( cạnh tương ứng)  Suy ra I là trung điểm của MN, AC  Suy ra AMCN là hình bình hành ( dấu hiệu nhận biết)  **c) Chứng minh ba điểm B, I, D thẳng hàng**  Xét hình bình hành ABCD có I là trung điểm của đường chéo AC  Suy ra I là trung điểm của đường chéo BC  Hay ba điểm I, B, C thẳng hàng (đpcm) | GV chiếu đáp án đầy trên Ti vi để các nhóm bàn tự đánh giá nhận xét bài làm của nhóm |
| **GIAO NHIỆM VỤ VỀ NHÀ** | | |
| - Ôn lại các khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết các hình  - GV giao về nhà bài tập 6 SGK/120  - Chuẩn bị BT luyện tập tiết 2: 7,8,11 SGK/121 | | |

**TIẾT 3: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG V**

**1. Yêu cầu cần đạt**

**-** Học sinh vận dụng các dấu hiệu nhận biết để giải bài toán tổng hợp.

**-** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**2. Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | **Ghi chú** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| -HS đọc câu hỏi trắc nghiệm.  - HS lựa chọn được các đáp án  Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến. | GV tổ chức trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  Gv nhận xét, đánh giá, chuẩn hóa khiến thức. |  |
| **Chọn câu trả lời đúng nhất**  Câu 1 : Tổng các góc của một tứ giác bằng :   1. 900 B. 1800 C. 2700 D. 3600   Câu 2 : Hình thoi có hai đường chéo bằng 8cm và 6cm. Cạnh hình thoi là giá trị nào trong các giá trị sau:   1. 2cm B. 5cm C. 12cm D. 13cm   Câu 3 : Chọn câu **Sai**  **A**  **Hình bình hành là tứ giác có các góc bằng nhau**  **B**  **Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau là hình bình hành**  **Hình thang có hai cạnh bên bằng nhau là hình bình hành**  **C**  **Tứ giác có hai cặp cạnh song song là hình bình hành**  **D**  **Câu 4: Nối ý của cột A và B sao cho có 1 câu hoàn chỉnh.**  a) AC BD  ┴  1, Hình thoi ABCD có  2, Hình chữ nhật là hình thoi khi  3, Hình thoi và hình chữ nhật có đường trung bình vì  4, Độ dài đường chéo của hình vuông có cạnh bằng 3cm là  5, Độ dài cạnh của hình vuông có đường chéo bằng 2dm là  b) cm.  c) Hai đường chéo vuông góc với nhau.  d) cm.  e) chúng đều là hình thang. | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **- Bài tập 9/sgk/122**  - HS đọc đề bài  HS lên bảng vẽ được hình bài tập 9/sgk/121,  **-** HS báo cáo kết quả nội dung **bài tập 9** đã được giao về nhà.  - HS lập luận để chứng minh được CDEG là hình chữ nhật.    **Bài 13/sgk/121**  - HS đọc đề bài  HS lên bảng vẽ được hình bài tập 13/sgk/121,  - HS lập luận để chứng minh được các yêu cầu của bài tập. | **- Bài tập 9/sgk/121**  vuông tại D có  Có  Mà  ( vuông cân tại C)  Suy ra  Suy ra  vuông cân tại D  AD = ED mà AD = CG nên ED = CG  Xét tứ giác CDEG có , ED = GC suy ra CDEG là hình bình hành  Hình bình hành CDEG cósuy ra CDEG là hình chữ nhật.  **Bài 13/sgk/121**  **a) Chứng minh**  **Do A**BCD là hình vuông nên AB = AC = CD = AD  Do M, N lần lượt là trung điểm DC và BC nên:  BM = MC = DN = NC  Xét vuông tại B và vuông tại C có:  AB = BC ( ABCD là hình vuông)  BM = CN  **Nên**  **=( hai cạnh góc vuông)**  **b)** Chứng minh  = ( câu a)  ( góc tương ứng)  Hay (đpcm)  c) Chứng minh  Xét  và  Có  ( câu b)  là góc chung  Nên  Mà (kề bù)  Suy ra  Suy ra  Hay  (đpcm) | SGK điện tử  **Ti vi**  ĐGTX(đánh giá vì học tập) |
| **GIAO NHIỆM VỤ VỀ NHÀ** | | |
| - Ôn lại các khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết các hình  - GV giao về nhà bài tập 6 SGK/120  - Làm các BT 10,12 SGK/121 | |  |